

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thành

Ông Nguyễn Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Tran Khang D, sinh năm 1984; cư trú tại: United States of America.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 23/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày: Chị và anh Tran Khang D kết hôn vào ngày 12 tháng 02 năm 2020, đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn, anh Tran Khang D trở về Hoa Kỳ, còn chị ở lại Việt Nam. Vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được. Hiện nay, vợ chồng chị không còn tình cảm và không còn liên lạc với nhau từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Tran Khang D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chi án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ thì chị Lê Thị Đ là công dân Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, anh Tran Khang D có quốc tịch Hoa Kỳ đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Lê Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Tran Khang D được Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Tran Khang D về việc chị Lê Thị Đ khởi kiện ly hôn với anh. Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ có văn bản trả lời không thực hiện được việc tổng đạt do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Tòa án yêu cầu chị Lê Thị Đ cung cấp địa chỉ mới của anh Tran Khang D để thực hiện việc ủy thác tổng đạt cho anh Tran Khang D. Tuy nhiên, chị Lê Thị Đ không cung cấp được địa chỉ của anh Tran Khang D. Chị Lê Thị Đ yêu cầu Tòa án thông báo trên kênh dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thông báo yêu cầu anh Tran Khang D tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn không có kết quả. Căn cứ Điều 227, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt đối với chị Lê Thị Đ và anh Tran Khang D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét chị Lê Thị Đ và anh Tran Khang D kết hôn vào năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế giữa chị Lê Thị Đ và anh Tran Khang D không còn chung sống với nhau, quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Tran Khang D là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Chị Lê Thị Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Tran Khang D.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014822 ngày 01/11/2023 và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác theo biên lai thu số 0014834 ngày 10/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lê Thị Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Tran Khang D được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDHV: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư